| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 18/2018/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018* |

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 1193
Ngày: 9/4/18
Chuyển: KTTH

# QUYẾT ĐỊNH

**Về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện cho vay nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2015/NĐ-CP).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định trong từng thời kỳ (sau đây gọi là các tổ chức tín dụng).

3. Đối tượng vay vốn để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (sau đây gọi chung là khách hàng vay vốn).

4. Đối tượng vay vốn mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (sau đây gọi chung là khách hàng vay vốn).

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## Chương II
## CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT

### Mục 1
### CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

**Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất**

Các khoản cho vay được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã ký hợp đồng tín dụng và đã được giải ngân vốn vay tại các tổ chức tín dụng theo đúng quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đúng đối tượng và khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

3. Là khoản cho vay trong hạn tại thời điểm cấp bù chênh lệch lãi suất.

Trường hợp các khoản cho vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ (trừ trường hợp các khoản cho vay bị rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng được gia hạn nợ theo quy định) thì không được cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khoảng thời gian vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ.

Trường hợp khách hàng vay vốn đã trả hết phần nợ quá hạn và khoản cho vay được xác định trở lại trạng thái trong hạn (khách hàng trả nợ đúng hạn từ kỳ trả nợ tiếp theo) thì khách hàng tiếp tục được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và hướng dẫn tại Quyết định này.

**Điều 4. Mức chênh lệch lãi suất cấp bù, thời gian cấp bù chênh lệch lãi suất**

1. Mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay chương trình nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP là 3%/năm, áp dụng trong giai đoạn 2016 - 2020.

2. Thời gian được cấp bù chênh lệch lãi suất bằng thời gian các khoản cho vay đối với khách hàng vay vốn được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

**Điều 5. Trình tự thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất**

1. Lập kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất:

a) Các tổ chức tín dụng lập kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất năm theo công thức sau:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Số cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm kế hoạch | = | Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch | x | Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm kế hoạch |

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm và dư nợ cuối năm kế hoạch;

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

b) Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các tổ chức tín dụng lập kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất cả năm kế hoạch theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 bộ), đồng gửi Bộ Tài chính (01 bộ) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 bộ) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp để bố trí dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.

2. Tạm cấp bù chênh lệch lãi suất hàng quý:

a) Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quý về tình hình thực hiện cho vay, văn bản đề nghị tạm cấp bù chênh lệch lãi suất quý của các tổ chức tín dụng và căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Bộ Tài chính thực hiện tạm cấp bù chênh lệch lãi suất.

b) Số tiền tạm cấp bù chênh lệch lãi suất trong quý bằng 80% số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất phát sinh quý trước. Tổng số tiền tạm cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm tối đa không vượt quá số dự toán được giao.

3. Quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất:

a) Kết thúc năm tài chính, các tổ chức tín dụng xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất thực tế trong năm đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù, như sau:

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản giải ngân được tính theo phương pháp tổng các tích số giữa mức lãi suất cấp bù với dư nợ cho vay tương ứng với số ngày dư nợ thực tế, theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản giải ngân} = \sum_{1}^{n} \text{Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế}}{365 \text{ ngày}}$$

Trong đó: Mức chênh lệch lãi suất cấp bù theo quy định tại Điều 4 Quyết định này và được tính theo đơn vị %/năm; n là số ngày dư nợ trong kỳ được cấp bù lãi suất.

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản cho vay là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù cho tất cả các khoản giải ngân của khoản cho vay đó.

- Số tiền được cấp bù lãi suất là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù của tất cả các khoản cho vay thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Hồ sơ quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất bao gồm:

- Hồ sơ quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm: Công văn đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất, trong đó số đề nghị quyết toán không vượt quá số liệu đã được cơ quan kiểm toán xác nhận; báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của từng khoản cho vay đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán Nhà nước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các tài liệu (bản chính hoặc bản sao do tổ chức tín dụng đóng dấu sao y) để phục vụ công tác rà soát, đối chiếu quyết toán khi có yêu cầu, bao gồm: Hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định đối tượng khách hàng vay vốn, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, thu nợ; thiết kế - dự toán xây dựng nhà ở xã hội, hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, phương án cải tạo, sửa chữa nhà để ở để làm căn cứ phê duyệt quyết toán số cấp bù chênh lệch lãi suất vay vốn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ quyết toán và số liệu đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất.

c) Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các tổ chức tín dụng phải hoàn thiện hồ sơ quyết toán và gửi Bộ Tài chính đề nghị quyết toán, báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất

a) Thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất.

Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiến hành rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng và các tổ chức tín dụng chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Xử lý chênh lệch số liệu.

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số đề nghị quyết toán và số rà soát quyết toán của Bộ Tài chính thì các tổ chức tín dụng thực hiện điều chỉnh trên sổ sách kế toán số quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất theo số liệu đã được Bộ Tài chính rà soát, đối chiếu.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số đề nghị quyết toán của các tổ chức tín dụng và số rà soát quyết toán của Bộ Tài chính được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ra thông báo duyệt quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số rà soát của Bộ Tài chính và số đề nghị quyết toán và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

- Trường hợp số ngân sách nhà nước đã tạm cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng cao hơn số rà soát của Bộ Tài chính thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính chuyển thành số tạm cấp của năm sau.

c) Xử lý trong trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích: Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, các tổ chức tín dụng thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp ngân sách nhà nước đã cấp bù chênh lệch lãi suất, tổ chức tín dụng báo cáo Bộ Tài chính số

tiền đã cho vay bị sử dụng sai mục đích để Bộ Tài chính thực hiện giảm trừ vào số tiền tạm cấp của quý tiếp theo; trường hợp ngân sách nhà nước chưa cấp bù chênh lệch lãi suất, tổ chức tín dụng thực hiện loại trừ số tiền cho vay đã sử dụng sai mục đích ra khỏi dư nợ cho vay đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù.

**Điều 6. Chế độ báo cáo**

1. Đối với báo cáo quý

Trong vòng tháng đầu quý tiếp theo, các tổ chức tín dụng gửi báo cáo quý về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP cho Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Đối với báo cáo năm

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các tổ chức tín dụng gửi báo cáo năm về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP cho Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## Mục 2
## CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

**Điều 7.** Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý khi thực hiện cho vay để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, cho vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định hiện hành áp dụng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội khi cho vay các chương trình hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách của Nhà nước.

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 8. Trách nhiệm của Bộ kế hoạch và Đầu tư**

Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển, trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của các tổ chức tín dụng để tổng hợp và bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.

**Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước giao để thực hiện tạm cấp bù và quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng.

2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng.

**Điều 10. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định thực hiện cho vay nhà ở xã hội theo đúng quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về lãi suất cho vay ưu đãi để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và mức chênh lệch lãi suất cấp bù đối với các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng.

**Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng**

1. Thực hiện việc cho vay và hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất.

3. Báo cáo kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2018 và áp dụng đối với các khoản giải ngân vốn vay từ ngày 10 tháng 12 năm 2015.

2. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng được chỉ định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).KN 205

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số: 18/2018/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Kế hoạch cho vay chương trình nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP |
| Mẫu số 02 | Báo cáo số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện cho vay chương trình nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP |
| Mẫu số 03 | Báo cáo tình hình thực hiện cho vay chương trình nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP |
| Mẫu số 04 | Báo cáo tình hình thực hiện cho vay chương trình nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP |

**Mẫu số 01**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**KẾ HOẠCH CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH NHÀ Ở XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: đồng

| TT | Dư nợ đầu năm | Phát sinh trong năm | | Dư nợ cuối năm | Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch | Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm kế hoạch | Số tiền đề nghị được cấp bù chênh lệch lãi suất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cho vay | Thu nợ | | | | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(5)x(6) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

*....., ngày ... tháng ... năm...*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kiểm soát**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Tổng giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

# BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT THỰC HIỆN CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH NHÀ Ở XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2015/NĐ-CP

Đơn vị: đồng

| STT | Tên chi nhánh | Dư nợ đầu năm | Phát sinh trong năm | | Dư nợ cuối năm | Số tiền đề nghị được cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm | Số tiền đã được ngân sách tạm cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm | Số đã cấp bù chênh lệch lãi suất bị thu hồi trong năm | Số tiền còn được cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cho vay | Thu nợ | | | | | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(6)-(7)-(8) |
| 1. | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | |
| .... | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | **Tổng số** | | | | | | | | |

*....., ngày ... tháng ... năm...*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kiểm soát**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Tổng giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 03**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH NHÀ Ở XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2015/NĐ-CP

**Quý...../.....**

Đơn vị: đồng

| STT | Tên chi nhánh | Dư nợ đầu quý | Phát sinh trong quý | | Dư nợ cuối quý | Số tiền tạm cấp bù chênh lệch lãi suất trong quý | Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất phát sinh trong quý | Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất bị thu hồi trong quý | | Lũy kế số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cho vay | Thu nợ | | | | Số tiền | Lý do thu hồi | |
| 1. | | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | | |
| .... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | **Tổng số** | | | | | | | | | |

*....., ngày ... tháng ... năm...*

| **Người lập biểu** | **Kiểm soát** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY**
**CHƯƠNG TRÌNH NHÀ Ở XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2015/NĐ-CP**
**Năm ....**

Đơn vị: đồng

| STT | Tên chi nhánh | Dư nợ đầu năm | Phát sinh trong năm | | Dư nợ cuối năm | Số tiền tạm cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm | Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất phát sinh trong năm | Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất bị thu hồi trong năm | | Lũy kế số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cho vay | Thu nợ | | | | Số tiền | Lý do thu hồi | |
| 1. | | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | | |
| .... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | **Tổng số** | | | | | | | | | |

*....., ngày ... tháng ... năm...*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kiểm soát**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Tổng giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)*